

**PHỤ BIỂU II: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo đề án số /ĐA-SXD ngày / 5 /2026 của Sở Xây dựng)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên đơn vị	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí hết năm 2025	Lũy kế giải ngân hết năm 2025	Nhu cầu vốn trong giai đoạn 2026-2030	Cấp quyết định đầu tư, cấp phê duyệt dự toán	Chủ đầu tư	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2,118</b>	<b>92,923,022</b>	<b>35,679,387</b>	<b>41,891,519</b>	<b>36,272,022</b>			
<b>A</b>	<b>BAN QLDA ĐTXD CẤP TỈNH</b>	<b>832</b>	<b>63,465,053</b>	<b>19,933,773</b>	<b>26,808,056</b>	<b>23,136,194</b>			
<b>I</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Lào Cai</b>	<b>91</b>	<b>25,988,636</b>	<b>9,809,471</b>	<b>9,452,913</b>	<b>14,210,542</b>			
	Dự án trên địa bàn tỉnh Lào Cai (cũ)	91	25,988,636	9,809,471	9,452,913	14,210,542	Bộ Xây dựng, UBND tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Lào Cai	
<b>II</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD tỉnh Lào Cai</b>	<b>130</b>	<b>14,879,067</b>	<b>6,176,997</b>	<b>6,041,295</b>	<b>7,797,328</b>			
	Dự án trên địa bàn tỉnh Lào Cai (cũ)	130	14,879,067	6,176,997	6,041,295	7,797,328	UBND tỉnh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Lào Cai	
<b>III</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD số 01 tỉnh Lào Cai</b>	<b>41</b>	<b>16,888,520</b>	<b>-</b>	<b>7,627,516</b>	<b>-</b>			
	Dự án trên địa bàn tỉnh Yên Bái (cũ)	41	16,888,520		7,627,516				
<b>IV</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Yên Bình</b>	<b>136</b>	<b>1,508,412</b>	<b>834,398</b>	<b>784,281</b>	<b>158,902</b>			
1	Dự án trên địa bàn các xã thuộc huyện Yên Bình, Lục yên tỉnh Yên Bái cũ	136	1,508,412	834,398	784,281	158,902	UBND tỉnh, huyện (cũ)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Yên Bình	
<b>V</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Nghĩa Lộ</b>	<b>190</b>	<b>1,639,349</b>	<b>1,311,670</b>	<b>1,258,064</b>	<b>236,180</b>			
1	Dự án trên địa bàn huyện Văn Chấn (cũ)	64	382,046	337,136	327,368	27,622	UBND tỉnh, huyện (cũ)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nghĩa Lộ	
2	Dự án trên địa bàn huyện Mù Cang Chải (cũ)	34	317,004	266,594	264,927	36,000	UBND tỉnh, huyện (cũ)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nghĩa Lộ	
3	Dự án trên địa bàn huyện Nghĩa Lộ (cũ)	25	355,260	245,623	239,279	66,840	UBND tỉnh, huyện (cũ)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nghĩa Lộ	
4	Dự án trên địa bàn huyện Trạm Tấu (cũ)	67	585,039	462,317	426,490	105,718	UBND tỉnh, huyện (cũ)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nghĩa Lộ	
<b>VI</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Trấn Yên</b>	<b>244</b>	<b>2,561,069</b>	<b>1,801,237</b>	<b>1,643,988</b>	<b>733,242</b>			
1	Dự án trên địa bàn các xã	244	2,561,069	1,801,237	1,643,988	733,242	UBND tỉnh	Ban QLDA ĐTXD khu vực Trấn Yên	
<b>B</b>	<b>BAN QLDA ĐTXD CẤP XÃ</b>	<b>1286</b>	<b>29,457,969</b>	<b>15,745,613</b>	<b>15,083,462</b>	<b>13,135,828</b>			
<b>I</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Bắc Hà</b>	<b>101</b>	<b>2,934,717</b>	<b>1,880,805</b>	<b>1,874,353</b>	<b>1,053,911</b>			
1	Dự án trên địa bàn xã Bắc Hà	58	1,565,419	850,307	848,838	715,112	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bắc Hà	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	32	831,111	584,723	582,351	246,388	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bắc Hà	

TT	Tên đơn vị	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí hết năm 2025	Lũy kế giải ngân hết năm 2025	Nhu cầu vốn trong giai đoạn 2026-2030	Cấp quyết định đầu tư, cấp phê duyệt dự toán	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Dự án trên địa bàn liên xã	11	538,187	445,775	443,164	92,412	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bắc Hà	
<b>II</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Thắng</b>	<b>112</b>	<b>4,001,462</b>	<b>2,300,748</b>	<b>2,246,524</b>	<b>1,700,714</b>			
1	Dự án trên địa bàn xã Bảo Thắng	42	2,495,409	1,669,724	1,639,319	825,685	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Thắng	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	63	1,135,960	575,804	552,540	560,156	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Thắng	
3	Dự án trên địa bàn liên xã	7	370,093	55,220	54,665	314,873	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Thắng	
<b>III</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Bát Xát</b>	<b>94</b>	<b>2,514,405</b>	<b>1,589,397</b>	<b>1,545,490</b>	<b>925,008</b>			
1	Dự án trên địa bàn xã Bát Xát	48	889,896	379,739	353,080	510,157	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bát Xát	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	34	741,987	490,748	477,895	251,240	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bát Xát	
3	Dự án trên địa bàn liên xã	12	882,522	718,911	714,515	163,611	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bát Xát	
<b>IV</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Cam Đường - Hợp Thành</b>	<b>58</b>	<b>2,192,822</b>	<b>1,042,902</b>	<b>896,804</b>	<b>1,120,738</b>			
1	Dự án trên địa bàn xã Cam Đường	53	2,128,512	993,369	862,087	1,105,961	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Cam Đường - Hợp Thành	
2	Dự án trên địa bàn xã Hợp Thành	5	64,310	49,533	34,717	14,777	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Cam Đường - Hợp Thành	
<b>V</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Lào Cai - Cốc San</b>	<b>109</b>	<b>3,070,845</b>	<b>1,183,633</b>	<b>1,183,633</b>	<b>1,887,212</b>			
1	Dự án trên địa bàn phường Lào Cai	102	2,634,274	966,382	966,382	1,667,892	UBND tỉnh, phường	Ban QLDA ĐTXD khu vực Lào Cai - Cốc San	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	7	436,571	217,251	217,251	219,320	UBND tỉnh, phường	Ban QLDA ĐTXD khu vực Lào Cai - Cốc San	
<b>VI</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Sa Pa</b>	<b>300</b>	<b>4,920,137</b>	<b>1,503,062</b>	<b>1,367,642</b>	<b>3,417,075</b>			
1	Dự án trên địa bàn phường Sa Pa	127	3,653,356	940,449	833,661	2,712,907	UBND tỉnh, phường	Ban QLDA ĐTXD khu vực Sa Pa	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	145	1,103,079	510,198	477,755	592,881	UBND tỉnh, phường	Ban QLDA ĐTXD khu vực Sa Pa	
3	Dự án trên địa bàn liên xã	28	163,702	52,415	56,226	111,287	UBND tỉnh, phường	Ban QLDA ĐTXD khu vực Sa Pa	
<b>VII</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Si Ma Cai</b>	<b>73</b>	<b>1,056,855</b>	<b>940,056</b>	<b>848,666</b>	<b>105,740</b>			
1	Dự án trên địa bàn phường Si Ma Cai	58	429,026	391,109	328,351	30,033	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Si Ma Cai	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	15	627,829	548,947	520,315	75,708	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Si Ma Cai	
<b>VIII</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Văn Bàn</b>	<b>160</b>	<b>2,897,256</b>	<b>1,607,488</b>	<b>1,589,201</b>	<b>925,977</b>			
1	Dự án trên địa bàn xã Văn Bàn	96	1,496,908	1,045,713	1,038,919	402,068	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Văn Bàn	

TT	Tên đơn vị	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí hết năm 2025	Lũy kế giải ngân hết năm 2025	Nhu cầu vốn trong giai đoạn 2026-2030	Cấp quyết định đầu tư, cấp phê duyệt dự toán	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Dự án trên địa bàn xã khác	55	755,617	395,475	384,428	299,273	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Văn Bàn	
3	Dự án trên địa bàn liên xã	9	644,731	166,300	165,854	224,636	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Văn Bàn	
<b>IX</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Yên</b>	<b>128</b>	<b>4,359,863</b>	<b>2,629,279</b>	<b>2,505,264</b>	<b>1,545,123</b>			
1	Dự án trên địa bàn xã Bảo Yên	69	1,706,396	993,369	880,851	576,820	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Yên	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	57	2,635,468	1,623,810	1,612,313	965,803	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Yên	
3	Dự án trên địa bàn liên xã	2	18,000	12,100	12,100	2,500	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bảo Yên	
<b>X</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD khu vực Mường Khương</b>	<b>151</b>	<b>1,509,606</b>	<b>1,068,242</b>	<b>1,025,884</b>	<b>454,329</b>			
1	Dự án trên địa bàn xã Mường Khương	73	597,710	468,175	460,796	121,175	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Mường Khương	
2	Dự án trên địa bàn xã khác	72	814,247	518,892	495,712	316,680	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Mường Khương	
3	Dự án trên địa bàn liên xã	6	97,649	81,175	69,377	16,474	UBND tỉnh, xã	Ban QLDA ĐTXD khu vực Mường Khương	